

HOÀN THIỆN CÁC NỀN TẢNG HỌC TẬP SỐ ĐÁP ỨNG NHU CẦU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI HỌC TẬP SỐ Ở VIỆT NAM TRONG QUÁ TRÌNH CHUYỂN ĐỔI SỐ VÀ HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ GIÁO DỤC

Nguyễn Thị Hằng¹, Nguyễn Cao Hưng¹, Bùi Ngọc Dung¹, Đỗ Đoàn Nhật Lệ¹
Email: hang9501@hou.edu.vn

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 20/08/2025

Ngày phản biện đánh giá: 10/10/2025

Ngày bài báo được duyệt đăng: 24/10/2025

DOI: 10.59266/houjs.2025.802

Tóm tắt: Nghiên cứu này phân tích thực trạng sử dụng các nền tảng học tập số tại Việt Nam nhằm phản ánh mức độ phát triển, hành vi người dùng và các thách thức chính của lĩnh vực. Phương pháp nghiên cứu hỗn hợp (mixed methods) được sử dụng, kết hợp dữ liệu thứ cấp (báo cáo thị trường, văn bản pháp lý, thống kê quốc tế) với dữ liệu sơ cấp (khảo sát, phỏng vấn, quan sát). Kết quả cho thấy nhu cầu học tập trực tuyến tăng mạnh cả về độ phủ và chiều sâu kỹ năng, với xu hướng mobile-first, micro-learning và tương tác cao. Thị trường có tiềm năng tăng trưởng hai chữ số nhưng đối mặt với năm nhóm thách thức chính: chất lượng và chuẩn hóa nội dung, khả năng tiếp cận, mô hình kinh doanh bền vững, năng lực thể chế và vấn đề bảo mật dữ liệu. Bài viết đề xuất thiết kế học tập dựa trên dữ liệu, chuẩn hóa nội dung và dữ liệu, áp dụng phân tích học tập để can thiệp sớm và tăng cường cơ chế công nhận tín chỉ vi mô, hướng đến phát triển bền vững giáo dục số Việt Nam.

Từ khóa: học tập số, LMS/VLE, micro-learning, learning analytics, tín chỉ vi mô

I. Đặt vấn đề

Trong khoảng 5-7 năm trở lại đây, cùng với tiến trình chuyển đổi số quốc gia, giáo dục Việt Nam chứng kiến một quá trình dịch chuyển quy mô lớn từ mô hình dạy - học truyền thống sang mô hình kết hợp và trực tuyến, trong đó các nền tảng học tập số (LMS - Learning Management System/ VLE - Virtual Learning Management) giữ

vai trò hạ tầng trọng yếu. Bối cảnh chuyển đổi số quốc gia cùng tác động của đại dịch COVID-19 đã thúc đẩy giáo dục Việt Nam dịch chuyển mạnh mẽ sang mô hình dạy học trực tuyến và kết hợp, với các nền tảng học tập số (LMS) giữ vai trò hạ tầng cốt lõi. Sự thay đổi nhanh chóng này đặt ra nhu cầu cấp thiết phải có một bức tranh thực chứng, cập nhật để đánh giá toàn diện về thực

¹ Trường Đại học Mở Hà Nội

trạng sử dụng các nền tảng này. Bài báo này mô tả và phân tích có hệ thống mức độ sử dụng, hành vi người học, cùng những thành công và hạn chế khi triển khai LMS ở các phân khúc giáo dục phổ thông, đại học và học tập suốt đời. Từ đó, nghiên cứu đưa ra các hàm ý chính sách, đề xuất giải pháp cải thiện, và nhấn mạnh tính mới trong việc kết nối dữ liệu hành vi người dùng với yêu cầu đảm bảo chất lượng, xem “thiết kế học tập dựa trên dữ liệu” là yếu tố then chốt để chuyển dịch từ mở rộng tiếp cận sang nâng cao chất lượng đào tạo.

II. Cơ sở lý thuyết

Nghiên cứu được xây dựng trên ba trụ cột lý thuyết: (1) học tập số như một môi trường tương tác, nhấn mạnh vai trò của “thiết kế học tập dựa trên dữ liệu”; (2) phân tích học tập (Learning Analytics) nhằm sử dụng dữ liệu để tối ưu hóa quá trình dạy và học; và (3) năng lực sư phạm số cùng quản trị nền tảng, bao gồm các tiêu chuẩn kỹ thuật và bảo mật. Tổng quan nghiên cứu cho thấy xu hướng người học dịch chuyển sang di động, ưa chuộng các

mô-đun học tập ngắn và đề cao tính tương tác, trong khi các nền tảng có sự chuyên biệt hóa theo từng phân khúc (K-12, đại học, học tập suốt đời). Dựa trên các cơ sở này, bài báo đề xuất một khung phân tích gồm ba yếu tố chính: mô hình nền tảng, hành vi và trải nghiệm người học, cùng điều kiện vận hành, nhằm khảo sát thực trạng, đánh giá kết quả và nhận diện các rào cản trong việc triển khai.

III. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này sử dụng phương pháp hỗn hợp, kết hợp cả phân tích định tính và định lượng để có cái nhìn toàn diện. Dữ liệu được thu thập từ hai nguồn chính: thứ cấp (tổng hợp hơn 20 báo cáo, tài liệu) và sơ cấp (khảo sát trực tuyến, nghiên cứu tình huống). Dữ liệu định lượng được phân tích bằng thống kê mô tả, trong khi dữ liệu định tính được phân tích theo chủ đề. Để đảm bảo tính tin cậy, nghiên cứu đã áp dụng kỹ thuật tam giác hóa, đối chiếu chéo thông tin giữa các nguồn nhằm kiểm chứng sự nhất quán và tạo cơ sở vững chắc cho các kết luận.

Bảng 1. Ma trận kiểm chứng chéo dữ liệu sơ cấp - thứ cấp theo chủ đề

Chủ đề	Bảng chứng thứ cấp (nguồn & số liệu)	Mình chứng sơ cấp (khảo sát/phỏng vấn)	Kết luận & mức tin cậy
Tăng trưởng & quy mô	DataReportal 2024..., Coursera VN ~1.8 triệu tài khoản...	72% người học báo tần suất học trực tuyến hàng tuần; 58% tham gia micro-learning...	Phù hợp/củng cố (mức tin cậy cao)
Hành vi người học	Báo cáo EdTech Hub...	Thiên hướng mobile-first, phiên 10-20 phút; ưu tiên webinar/QA...	Phù hợp (trung-cao)
Chuẩn hoá học liệu	Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT; SCORM/xAPI	64% đơn vị chưa gắn metadata đầy đủ; thiếu ma trận Mục tiêu-Hoạt động-Đánh giá	Khoảng trống rõ (cao)
An toàn & SHTT	Hướng dẫn proctoring, IP	Lo ngại xâm phạm dữ liệu, gian lận thi; thiếu quy trình IP	Cần ưu tiên (cao)

IV. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Giới thiệu: Bối cảnh chuyển đổi số giáo dục

Việt Nam đã bước vào pha tăng tốc chuyển đổi số diện rộng, với giáo dục là

một trong những trụ cột ưu tiên hàng đầu. Cơ chế báo cáo định kỳ cấp quốc gia về tiến độ số hóa (hạ tầng, nền tảng, dữ liệu) đã tạo ra một “khung lực kéo” chính sách ổn định. Khung này khuyến khích và hỗ trợ các nền tảng học tập số (LMS/VLE)

phát triển trong cả hệ thống chính quy và hệ sinh thái học tập suốt đời.

Tính bền vững và Pháp lý

Đại dịch COVID-19 là chất xúc tác buộc học trực tuyến trở thành cấu phần thường trực. Tuy nhiên, để tránh lỗi thời như nhiều nền tảng được xây dựng vội vàng, các nền tảng tại Việt Nam cần đảm bảo tính bền vững bằng ngân sách dài hạn và mô hình quản trị dữ liệu/nội dung chuyên nghiệp. Về mặt pháp lý, Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT là cột mốc quan trọng, quy định chi tiết về đào tạo từ xa ở bậc đại học, tạo “giấy thông hành” cho mô hình học tập kết hợp (*blended learning*) và ràng buộc các trường phải đầu tư nghiêm túc vào nền tảng.

Hạ tầng và Nhu cầu Người dùng

Việt Nam có “đế hạ tầng” vững chắc với 78,44 triệu người dùng Internet (79,1% dân số) vào đầu năm 2024. Cùng với sự phát triển mạnh mẽ của trung tâm dữ liệu (DC) và điện toán đám mây (Cloud), điều kiện kỹ thuật đã sẵn sàng. Phía cầu, nhu cầu học tập kỹ năng chuyên nghiệp tăng mạnh: Coursera ghi nhận 1,8 triệu người học tại Việt Nam, tập trung vào các lĩnh vực như dữ liệu, trí tuệ nhân tạo (AI - Artificial Intelligence) và ngôn ngữ. Những con số này minh chứng cho thấy ngay cả sau đại dịch, nhu cầu học trực tuyến và học kết hợp vẫn duy trì quán tính tăng trưởng mạnh mẽ, tạo thị trường sôi động cho EdTech.

4.2. Các loại hình nền tảng học tập số chính tại Việt Nam

4.2.1. Nền tảng học tập Phổ thông (K-12)

Phân khúc giáo dục phổ thông (K-12) tại Việt Nam đã phát triển thành một hệ sinh thái nền tảng tích hợp, không chỉ

số hóa sách giáo khoa mà còn bao phủ hoạt động hành chính, chuyên môn của trường học và kết nối với gia đình. Sự phát triển này được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các nhà mạng lớn như Viettel và VNPT, tận dụng lợi thế về hạ tầng mạng lưới quốc gia.

Cốt lõi của hệ sinh thái là các nền tảng LMS/LXP (như K12Online, vnEdu LMS). Chúng đóng vai trò là trung tâm điều hành số, quản lý hàng ngàn khóa học, học liệu, tổ chức thi trực tuyến theo chuẩn Bộ Giáo dục và Đào tạo, và hỗ trợ mô hình học tập kết hợp (*Blended Learning*). Chức năng quan trọng là giám sát và báo cáo thời gian thực về tiến độ học tập, hỗ trợ ra quyết sách.

Để hoàn thiện chu trình, các ứng dụng liên lạc (như eNetViet) đã thay thế sổ liên lạc truyền thống, tạo kênh giao tiếp tức thời hai chiều giữa nhà trường và phụ huynh. Song song đó, các nền tảng tư nhân (như HOCMAI) chuyên cung cấp nội dung ôn luyện và luyện thi chất lượng cao. Sự tồn tại của cả hệ thống quản trị nhà nước và nền tảng ôn luyện tư nhân đã tạo ra một cấu trúc thị trường phân tầng và đáp ứng toàn diện nhu cầu.

4.2.2. Nền tảng giáo dục đại học và sau đại học

Ở bậc đại học và sau đại học, các nền tảng học tập số không còn là công cụ hỗ trợ đơn thuần mà đã trở thành hạ tầng “xương sống” học thuật. Đây là điều kiện tiên quyết để triển khai các mô hình đào tạo hiện đại như học tập kết hợp (*blended learning*) và học tập trực tuyến (*online learning*) theo quy định của Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023). Các trường đại học hàng đầu đã đầu tư nghiêm túc vào việc xây dựng các hệ thống LMS thương hiệu riêng (ví dụ: HUST LMS, NEU LMS) dựa trên

các nền tảng mã nguồn mở mạnh mẽ như Moodle, cho phép tùy biến sâu và tích hợp đồng bộ với các hệ thống quản lý học vụ khác của trường.

Chức năng cốt lõi của các LMS này tập trung vào việc đáp ứng các yêu cầu kiểm soát chất lượng học thuật nghiêm ngặt. Hệ thống phải có khả năng quản lý chi tiết học phần, phân phối đa dạng các loại học liệu (Content) và điều phối các hoạt động học tập (Activity) phức tạp như thảo luận chuyên môn, làm việc nhóm, và nộp đồ án. Đặc biệt, việc tích hợp các công cụ kiểm tra đạo văn và giám sát thi trực tuyến (proctoring) là yêu cầu bắt buộc để đảm bảo tính minh bạch và công bằng trong đánh giá.

Yếu tố đổi mới quan trọng nhất của các nền tảng này là khả năng tạo và phân tích dấu vết học tập (learning traces). Mọi hành vi của sinh viên trên hệ thống đều được ghi lại, tạo thành kho dữ liệu quý giá. Thông qua phân tích học tập (Learning Analytics), dữ liệu này giúp giảng viên sớm nhận diện sinh viên gặp khó khăn và đánh giá hiệu quả của phương pháp giảng dạy. Điều này biến LMS thành một công cụ kiểm định chất lượng nội bộ hiệu quả, đáp ứng các tiêu chuẩn đào tạo từ xa của Bộ Giáo dục và Đào tạo, đồng thời khẳng định vai trò không thể thiếu của nó trong hệ thống quản trị giáo dục đại học hiện đại.

4.2.3. Nền tảng đào tạo kỹ năng và học tập suốt đời

Đây là phân khúc thị trường năng động nhất, được thúc đẩy bởi nhu cầu tái đào tạo và nâng cao kỹ năng (upskilling/reskilling) của lực lượng lao động. Thị trường này có sự tồn tại song hành giữa các nền tảng MOOC (Massive Open Online Course) quốc tế và các nhà cung cấp nội

dung nội địa, tạo ra một môi trường học tập đa dạng.

Các nền tảng MOOC toàn cầu như Coursera và edX đóng vai trò như những “thư viện kiến thức” quốc tế, nổi bật với chất lượng nội dung cao và giá trị của các chứng chỉ được công nhận toàn cầu. Sự tăng trưởng mạnh mẽ của người học Việt Nam trong các lĩnh vực như Dữ liệu, AI, và Lập trình trên các nền tảng này phản ánh rõ nhu cầu nâng cao năng lực cạnh tranh trong thị trường lao động toàn cầu.

Sự bùng nổ của thị trường này gắn liền với hai xu hướng chính là học tập vi mô (micro-learning) và tín chỉ vi mô (micro-credentials). Micro-learning, với các bài giảng ngắn gọn, phù hợp với người đi làm bận rộn. Trong khi đó, micro-credentials cho phép người học tích lũy và được công nhận kỹ năng nhanh chóng mà không cần theo đuổi các chương trình dài hạn, giúp thu hẹp khoảng cách kỹ năng một cách linh hoạt và tiết kiệm chi phí (Doan, 2025).

Trong khi đó, các nền tảng nội địa như Kyna và Unica lại có thể mạnh về bản địa hóa nội dung và chi phí hợp lý. Các khóa học được giảng dạy bằng tiếng Việt, tập trung vào kỹ năng mềm và các kiến thức ứng dụng tức thì trong bối cảnh văn hóa, kinh doanh tại Việt Nam. Sự kết hợp giữa kiến thức hàn lâm quốc tế và nội dung thực tiễn địa phương tạo nên một thị trường sôi động, đáp ứng nhu cầu học tập đa dạng của mọi cá nhân.

4.3. Thực trạng sử dụng và mức độ thâm nhập thị trường

4.3.1. Tốc độ tăng trưởng và quy mô người dùng

Việc đánh giá chính xác quy mô thị trường học tập số tại Việt Nam là một

thách thức do sự thiếu nhất quán trong định nghĩa phạm vi (“e-learning,” “edtech”) và phương pháp thu thập dữ liệu. Điều này tạo ra nhiều kịch bản quy mô khác nhau, đòi hỏi sự phân tích thận trọng.

- Ước tính thận trọng: Theo Ken Research (Ken Research, 2024), thị trường giáo dục trực tuyến Việt Nam có quy mô khoảng 363 triệu USD. Con số này được xem là một cơ sở thực tế, dựa trên doanh thu đã kiểm chứng và các động lực cốt lõi như sự phổ cập Internet và văn hóa coi trọng giáo dục.

- Kỳ vọng tăng trưởng lạc quan: Ngược lại, các dự báo trung hạn lại rất tích cực. IMARC Group (IMARC Group, 2025) dự báo Tốc độ Tăng trưởng Kép Hàng năm (CAGR) có thể đạt từ 17,5% đến 19,3% trong giai đoạn 2025-2033. Những con số này cho thấy tiềm năng tăng trưởng hai chữ số mạnh mẽ trong nhiều năm tới, phản ánh sự chuyển dịch chiến lược của cả hệ thống giáo dục và nhu cầu của lực lượng lao động.

Về phía người dùng, các chỉ số thực tế củng cố mạnh mẽ cho sự tăng trưởng này. DataReportal (DataReportal, 2024) ghi nhận Việt Nam có 78,44 triệu người dùng Internet (79,1% dân số), tạo ra một nền tảng hạ tầng vững chắc. Đồng thời, dữ liệu từ Coursera cho thấy Việt Nam đã đạt mốc 1,8 triệu người học với tốc độ tăng trưởng 22% mỗi năm (Doan, 2025). Điều này chứng tỏ nhu cầu học trực tuyến đang mở rộng cả về chiều rộng (tiếp cận) và chiều sâu (kỹ năng chuyên môn), tạo ra động lực bền vững cho thị trường EdTech.

4.3.2. Hành vi người dùng (*User Behavior*)

Hành vi của người học Việt Nam đang thể hiện sự trưởng thành và đặt ra yêu cầu cao hơn về thiết kế trải nghiệm

học tập (LX). Xu hướng đầu tiên là ưu tiên tuyệt đối cho micro-learning và mobile-first. Người học muốn tận dụng các “khe thời gian” ngắn (mười đến hai mươi phút), buộc nền tảng phải có trải nghiệm tối ưu trên thiết bị di động, giao diện nhẹ và tiết kiệm dữ liệu.

Xu hướng thứ hai là đề cao tương tác, tính cá nhân hóa và cộng đồng học tập. Các khóa học có yếu tố tương tác cao như livestream, diễn đàn thảo luận và phản hồi cá nhân từ giảng viên có tỷ lệ hoàn thành tốt hơn đáng kể. Điều này cho thấy e-learning cần xây dựng một “cộng đồng học tập có hỗ trợ”, tái tạo các yếu tố xã hội và cảm xúc của lớp học truyền thống.

Xu hướng cuối cùng là thương hiệu và chuyên môn của giảng viên là chỉ báo ra quyết định quan trọng. Người học ưu tiên các khóa học do chuyên gia đầu ngành hoặc tổ chức uy tín cung cấp. Họ tìm kiếm sự tin cậy không chỉ ở chất lượng giảng dạy mà còn ở giá trị ứng dụng nghề nghiệp, thể hiện qua sự tăng trưởng mạnh của các khóa học về Dữ liệu, AI và Ngoại ngữ.

4.4. Thách thức và hạn chế

4.4.1. Chất lượng nội dung và chuẩn hóa

Thách thức cốt lõi đối với các nền tảng học tập số tại Việt Nam là chất lượng nội dung không đồng đều và thiếu sự chuẩn hóa. Một lượng lớn học liệu được tạo ra nhanh chóng trong giai đoạn đại dịch đã ưu tiên tốc độ hơn là sự chuẩn mực, dẫn đến những nhược điểm nghiêm trọng về thiết kế sư phạm. Nhiều khóa học thiếu sự liên kết chặt chẽ giữa mục tiêu, hoạt động và phương pháp đánh giá, khiến trải nghiệm học tập rời rạc, kém hiệu quả. Về mặt kỹ thuật, nhiều nội dung không tuân thủ các chuẩn quốc tế như SCORM/

xAPI hay metadata, làm giảm khả năng tương tác, liên thông và tái sử dụng học liệu (Trần & Nguyễn, 2023).

Về mặt pháp lý, mặc dù Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023) đã đặt ra một chuẩn tối thiểu quan trọng cho đào tạo từ xa ở bậc đại học, nhưng ở phân khúc đào tạo ngắn hạn và học tập suốt đời, cơ chế công nhận và liên thông kết quả vẫn còn là một khoảng trống lớn. Đặc biệt, việc quy đổi tín chỉ vi mô (micro-credentials) sang tín chỉ chính thức vẫn chưa có một lộ trình rõ ràng.

Bài học kinh nghiệm quốc tế cho thấy khoảng một phần ba các nền tảng số do các quốc gia phát triển trong thời kỳ COVID-19 đã ngừng hoạt động hoặc lỗi thời do thiếu chiến lược duy trì và ngân sách. Để tránh đi vào vết xe đổ này, Việt Nam cần xây dựng một khung kỹ thuật - học thuật toàn diện. Khung này không chỉ dừng lại ở việc chuẩn hóa nội dung mà còn phải gắn kết chặt chẽ với chuẩn dữ liệu học tập và chuẩn đầu ra theo khung năng lực nghề nghiệp cụ thể. Đây chính là chìa khóa để đảm bảo chất lượng và tính bền vững lâu dài cho hệ sinh thái giáo dục số quốc gia.

4.4.2. Khả năng tiếp cận và rào cản công nghệ

Một thách thức lớn là khoảng cách số giữa thành thị và nông thôn. Sự chênh lệch này thể hiện ở chất lượng Internet không ổn định và chi phí dữ liệu di động cao, tạo ra bất bình đẳng nghiêm trọng trong khả năng tiếp cận giáo dục. Để giải quyết, cần bồi dưỡng năng lực số cho giáo viên, không chỉ về cách sử dụng công cụ mà còn về năng lực thiết kế sư phạm trong môi trường số. Việc chuyển trọng tâm từ “trang bị tài khoản” sang “năng lực sử dụng có ý thức sư phạm” là chìa khóa để thu hẹp bất bình đẳng này.

Bên cạnh đó, các nền tảng cần có thiết kế bao trùm (inclusive design) để hỗ trợ nhiều nhóm người học, ví dụ như cung cấp phụ đề, tùy chỉnh phông chữ và chế độ học ngoại tuyến (offline mode). Hướng dẫn giáo viên cách tích hợp công nghệ vào phương pháp giảng dạy là hoạt động có giá trị lớn. Đầu tư vào năng lực số có ý thức sư phạm là con đường hiệu quả nhất để đảm bảo rằng giáo dục số thực sự cải thiện, chứ không làm trầm trọng thêm, tình trạng bất bình đẳng tiếp cận cho các nhóm dễ bị tổn thương.

4.4.3. Mô hình kinh doanh và tính bền vững

Về mặt kinh tế, nhiều nền tảng nội địa đã khởi đầu bằng mô hình B2C (Business-to-Consumer) truyền thống, tập trung vào việc bán khóa học lẻ và phụ thuộc nặng nề vào khuyến mại/quảng cáo chuyển đổi. Mô hình này tuy giúp tăng trưởng nhanh ban đầu nhưng dễ dàng chạm trần vì phải đối mặt với Chi phí Thu hút Khách hàng (CAC) cao, tỷ lệ hoàn thành khóa học thấp và biên lợi nhuận mỏng. Lỗi ra bền vững cho các công ty EdTech Việt Nam đòi hỏi phải chuyển đổi sang một mô hình lai (hybrid model) phức tạp và đa dạng hơn:

- B2B/B2G (Business-to-Business/Government): Cung cấp nền tảng và dịch vụ quản lý cho các trường học, Sở Giáo dục hoặc cơ quan địa phương, tạo ra nguồn thu ổn định hơn từ dịch vụ công.

- B2B2C (Business-to-Business-to-Consumer): Đồng thương hiệu hoặc đồng thiết kế học phần với các cơ sở giáo dục chính thức, giúp tăng cường sự tin cậy và tận dụng mạng lưới phân phối của nhà trường.

- Micro-credentials hợp tác Doanh nghiệp: Gắn chuẩn đầu ra kỹ năng với nhu cầu tuyển dụng thực tế của doanh nghiệp,

biến chứng chỉ học tập thành “giấy thông hành” nghề nghiệp, tăng giá trị cho người học và tạo nguồn thu từ đối tác doanh nghiệp.

Ở lớp hạ tầng, bối cảnh data center/cloud trong nước, vấn đề luồng dữ liệu xuyên biên giới, và yêu cầu về an ninh mạng là các yếu tố quyết định đến chi phí, hiệu năng và tuân thủ pháp lý của nền tảng. Các báo cáo quốc tế về khả năng đầu tư trung tâm dữ liệu quy mô lớn tại Việt Nam và những thảo luận chính sách về dữ liệu nhấn mạnh tầm quan trọng của chủ quyền dữ liệu trong quy mô hóa giáo dục số. Việc xây dựng một cam kết mạnh mẽ về bảo mật và quyền riêng tư sẽ là yếu tố thực sự tạo dựng niềm tin trong hợp tác chiến lược với hệ thống giáo dục chính quy và cơ quan quản lý nhà nước (VnEconomy, 2025).

4.5. Khuyến nghị chính sách và giải pháp phát triển nền tảng học tập số

4.5.1. Ý nghĩa thực tiễn và lý luận của định hướng chiến lược

Việc phân tích triển vọng học tập số cho thấy một cơ sở vững chắc cho tăng trưởng mạnh mẽ, với Tốc độ Tăng trưởng Kép Hàng năm (CAGR) dự kiến đạt khoảng 17-19% cho lĩnh vực e-learning/online education từ năm 2025 đến 2033. Việt Nam có lợi thế hạ tầng với tỷ lệ thâm

nhập Internet cao (79,1%) và nhu cầu học tập suốt đời lớn (khoảng 1,8 triệu tài khoản Coursera).

Nghiên cứu đề xuất một chuyển dịch chiến lược: thay vì chỉ tập trung vào hạ tầng, cần chuyển sang thiết kế học tập dựa trên dữ liệu và đảm bảo chất lượng đầu ra. Định hướng này cung cấp bản đồ hành động cho nhà hoạch định chính sách và nhà đầu tư, giúp họ phân bổ nguồn lực vào các khâu giá trị cao nhất là phân tích học tập (Learning Analytics) và chuẩn hóa nội dung. Bám theo Nghị quyết 71, bài viết nhấn mạnh ba trục ưu tiên cho Việt Nam:

- (i) chuẩn hoá học liệu (SCORM/xAPI, metadata)
 - (ii) Learning Analytics theo lộ trình mô tả → chẩn đoán → dự báo/khuyến nghị
 - (iii) privacy-by-design để bảo đảm an toàn dữ liệu, từ đó nâng chất lượng đầu ra và tăng niềm tin vào giáo dục số.
- 4.5.2. Khuyến nghị chính sách và giải pháp phát triển chi tiết
- Để hiện thực hóa tiềm năng tăng trưởng chất lượng, các bên liên quan cần hành động đồng bộ dựa trên các khuyến nghị chi tiết dưới đây:

Bảng 2. Tổng hợp khuyến nghị chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng học tập số

Bên Liên quan	Khuyến nghị hành động trọng tâm	Mục tiêu và Tác động
Cơ quan Quản lý Nhà nước (CQQLNN)	Hoàn thiện pháp lý cho tín chỉ vi mô và chủ quyền dữ liệu. <i>(theo định hướng Nghị quyết 71-NQ/TW)</i>	Ban hành hướng dẫn công nhận micro-credentials; thiết lập kiến trúc privacy-by-design và tiêu chuẩn hạ tầng dữ liệu quốc gia để tạo niềm tin và mở rộng lớp học ảo, linh hoạt.
Cơ sở Giáo dục Chính quy	Chuẩn hóa Nội dung Số và Ứng dụng Phân tích Học tập (LA).	Áp dụng chuẩn SCORM/xAPI để đảm bảo tính nhất quán. Đầu tư vào LA để phát hiện rủi ro sớm, đưa ra can thiệp kịp thời, nâng cao chất lượng.
Doanh nghiệp EdTech và Nhà đầu tư	Chuyển dịch Đầu tư vào Sư phạm, Chất lượng Nội dung và Cộng đồng.	Tập trung vào thiết kế sư phạm, nâng cao chất lượng nội dung và xây dựng giải pháp mentor/cộng đồng để tăng tỷ lệ giữ chân (<i>retention</i>) và hoàn thành (<i>completion</i>), giải quyết nhược điểm cố hữu của học trực tuyến.

Nguồn: Nhóm tác giả tự tổng hợp từ các ưu tiên chính sách và vận hành trong nội dung phân tích gốc

V. Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy hệ sinh thái học tập số tại Việt Nam đã chuyển từ giai đoạn mở rộng sang nâng cao chất lượng dựa trên dữ liệu. Động lực chính đến từ nhu cầu học tập suốt đời, phát triển kỹ năng và sự thay đổi hành vi của người học, như ưu tiên sử dụng thiết bị di động (mobile-first), học tập siêu nhỏ (micro-learning) và tín chỉ vi mô (micro-credentials). Điều này buộc các cơ sở giáo dục phải đổi mới trong thiết kế, quản lý dữ liệu và vận hành.

Năm trụ cột quan trọng được xác định để hoàn thiện nền tảng học tập số bao gồm: chuẩn hóa học liệu, triển khai phân tích học tập (Learning Analytics), đảm bảo an toàn - bảo mật và sở hữu trí tuệ, phát triển mô hình kinh doanh bền vững, và tăng cường năng lực thể chế và vận hành. Các kiến nghị chính sách của nghiên cứu đều bám sát những trụ cột này để thúc đẩy sự phát triển.

Dù vậy, nghiên cứu vẫn còn một số hạn chế như quy mô mẫu khiêm tốn và sự khác biệt trong các báo cáo thị trường. Do đó, các hướng nghiên cứu trong tương lai cần mở rộng mẫu khảo sát, thí điểm hiệu quả của phân tích học tập, đánh giá tác động của việc chuẩn hóa học liệu, và phân tích chi phí - lợi ích của mô hình điện toán đám mây (cloud) để hỗ trợ mở rộng bền vững.

Tài liệu tham khảo

- [1]. Asian Development Bank. (2022). *Tackling unequal access to digital education in Viet Nam during the COVID-19 pandemic*. <https://www.adb.org/publications/tackling-unequal-access-to-digital-education-in-vietnam-during-the-covid-19-pandemic>.
- [2]. Ban Chấp hành Trung ương. (2025). Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo. *Văn bản pháp quy*. <https://xaydungchinhhsach.chinhphu.vn/toan-van-nghi-quyet-so-71-nq-tw-cua-bo-chinh-tri-ve-dot-pha-phat-trien-giao-duc-va-dao-tao-119250828110759964.htm>
- [3]. Báo Chính phủ. (2025). *Hạ tầng số là nền tảng hiện thực hóa tầm nhìn quốc gia đến năm 2030*. <https://baochinhphu.vn/ha-tang-so-la-nen-tang-hien-thuc-hoa-tam-nhin-quoc-gia-den-nam-2030-102250918085948562.htm>
- [4]. Báo Nhân Dân. (2025). *Kinh tế Việt Nam hướng tới mục tiêu kép: Tăng trưởng vững chắc cùng chuyển đổi số*. <https://nhandan.vn/kinh-te-viet-nam-huong-toi-muc-tieu-kep-tang-truong-vung-chac-cung-chuyen-doi-so-post907441.html>
- [5]. Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Thông tư 28/2023/TT-BGDĐT ban hành Quy chế đào tạo từ xa trình độ đại học (hiệu lực 12/02/2024)*. <https://moet.gov.vn/>.
- [6]. DataReportal. (2024). *Digital 2024: Vietnam*. <https://datareportal.com/reports/digital-2024-vietnam>.
- [7]. Doan, H. (2025). Vietnamese rank 3rd in Southeast Asia in online learning on Coursera. *VnExpress*. <https://e.vnexpress.net/news/news/education/vietnamese-rank-3rd-in-southeast-asia-in-online-learning-on-coursera-4912866.html?>
- [8]. EdTech Hub. (2023). *Mapping digital learning platforms across 184 countries*. <https://edtechhub.org/>.
- [9]. ERP Việt. (2024). *B2B2C là gì? Xu hướng chuyển đổi mô hình kinh doanh từ B2B sang B2B2C*. <https://erpviet.vn/b2b2c-la-gi-xu-huong-chuyen-doi-mo-hinh-kinh-doanh-tu-b2b-sang-b2b2c/>.
- [10]. eNetViet. (n.d.). *Ứng dụng kết nối Nhà trường-Phụ huynh (sổ liên lạc điện tử)*. <https://enetviet.com>.
- [11]. Guarascio, F. & Nguyen, P. (2024). Google considering large data centre

- in Vietnam, source says, in nation's first by US big tech. *Reuters*. <https://www.reuters.com/technology/google-weighs-large-data-centre-vietnam-source-says-nations-first-by-us-big-tech-2024-08-29/>.
- [12]. HOCMAI. (n.d.). *HOCMAI-Nền tảng ôn luyện trực tuyến K-12*. <https://hocmai.vn>.
- [13]. IMARC Group. (2024). *Vietnam online education market 2025-2033*. <https://www.imarcgroup.com/vietnam-online-education-market>.
- [14]. IMARC Group. (2025). *Vietnam e-learning market 2025-2033*. <https://www.imarcgroup.com/vietnam-e-learning-market>.
- [15]. Ken Research. (2024). *Vietnam online education market outlook to 2028*. <https://www.kenresearch.com/industry-reports/vietnam-online-education-market>.
- [16]. Thái, T. V. (2024). Pháp luật sở hữu trí tuệ ở Việt Nam hiện nay - Những thách thức và các giải pháp hoàn thiện. *Tạp chí Công Thương*. <https://tapchicongthuong.vn/phap-luat-so-huu-tri-tue-o-viet-nam-hien-nay--nhung-thach-thuc-va-cac-giai-phap-hoan-thien-116749.htm>.
- [17]. Tinh Tế. (2025). Mô hình B2G là gì? Đặc điểm và ví dụ về Business-to-Government. *Tinh Tế*. <https://tinhte.vn/thread/mo-hinh-b2g-la-gi-dac-diem-va-vi-du-ve-b2g-business-to-government.3965642/>.
- [18]. Trần, T. N. M., & Nguyễn, T. H. L. (2023). Cơ hội và thách thức trong phát triển kinh tế số ở Việt Nam hiện nay. *Tạp chí điện tử Nghề nghiệp và Cuộc sống*. <https://nghenghipecuocsong.vn/co-hoi-va-thach-thuc-trong-phat-trien-kinh-te-o-viet-nam-hien-nay/>.
- [19]. UNESCO. (2023). *Technology in education: A case study on Viet Nam (GEM background paper)*. unesdoc.unesco.org/ark%3A/48223/pf0000387747.
- [20]. UNESCO. (2023). *Technology in education - Southeast Asia regional report*. https://sea-vet.net/images/seb/e-library/doc_file/1466/global-education-monitoring-report-2023-southeast-asia-technology-in-education-a-tool-on-whose-terms.pdf.
- [21]. UNICEF. (2022, 13 tháng 12). One in three digital learning platforms developed during COVID-19 no longer functional, outdated or not operating at full capacity [Press release]. *UNICEF*. <https://www.unicef.org/press-releases/1-3-digital-learning-platforms-developed-during-covid-19-no-longer-functional>.
- [22]. Viettel Solutions. (n.d.). *K12Online-Hệ thống quản lý dạy học và thi trực tuyến*. <https://k12online.vn>.
- [23]. VNPT. (n.d.). *vnEdu LMS-Nền tảng học và thi trực tuyến*. <https://vnedu.vn>.
- [24]. VnEconomy. (2025, 20 tháng 4). *Thị trường data center và cloud Việt Nam tăng trưởng bùng nổ*. <https://vneconomy.vn/thi-truong-data-center-va-cloud-viet-nam-tang-truong-bung-no.htm>.
- [25]. Vũ, T. T. M., & Trần, C. V. (2025). Phát triển kinh tế bền vững vùng dân tộc thiểu số: Những cơ hội và thách thức. *Tạp chí Quản lý Nhà nước*. <https://www.quanlynhanuoc.vn/2025/08/04/phat-trien-kinh-te-ben-vung-vung-dan-toc-thieu-so-nhung-co-hoi-va-thach-thuc/>.
- [26]. WorldBank. (2021, 30 tháng 7). *Assessing the demand for digital skills in Vietnam*. <https://documents1.worldbank.org/curated/en/099145203242227159/pdf/P170610055e87f070aec9045067a21aaf6.pdf>.
- [27]. World Bank. (2025, 29 tháng 01). *Digital pathways for education: Enabling greater impact on learning*. <https://www.worldbank.org/en/topic/edutech/publication/digital-pathways-education-enabling-learning-impact>.

ENHANCING DIGITAL LEARNING PLATFORMS TO MEET THE NEEDS OF DEVELOPING A DIGITAL LEARNING SOCIETY IN VIETNAM DURING THE PROCESS OF DIGITAL TRANSFORMATION AND INTERNATIONAL INTEGRATION IN EDUCATION

Nguyen Thi Hang², Nguyen Cao Hung², Bui Ngoc Dung², Do Doan Nhat Le²

Abstract: *This study analyzes the current use of digital learning platforms in Vietnam to reflect the level of development, user behavior, and key challenges in the field. A mixed-methods approach was employed, combining secondary data (market reports, legal documents, international statistics) with primary data (surveys, interviews, observations). The findings reveal that the demand for online learning has surged significantly in both coverage and skill depth, with emerging trends of mobile-first, micro-learning, and high interactivity. Although the market shows strong double-digit growth potential, it faces five major challenges: content quality and standardization, accessibility, sustainable business models, institutional capacity, and data security issues. The paper proposes data-driven learning design, standardization of content and data, application of learning analytics for early intervention, and enhancement of micro-credential recognition mechanisms, aiming toward sustainable digital education development in Vietnam.*

Keywords: *digital learning, LMS/VLE, micro-learning, learning analytics, micro-credential*

² Hanoi Open University